CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG
Địa chỉ: Số 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG

Báo cáo Tài chính hợp nhất

quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 ngày 04 tháng 11 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Vốn điều lệ là **99.126.000.000 VND** *(chín mươi chín tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu đồng)*

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Các đơn vị thành viên	
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Miền Đông	Phước Hoà – Tân Thành – Bà Rịa –Vũng Tàu
Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Đồng Khởi	165D2 An Thuận A - Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre
Chi nhánh tại Đăk Lăk	Trung tâm thương mại Gia Nghĩa, tỉnh Đắc lắc
Chi nhánh tại Tp. HCM	Số 9 Nguyễn Kim , phường12 - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Hòa Bình	10/b1 tổ 2A, P.Tân Thịnh, Tp.Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	Xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	Xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Công ty con	
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	Số 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5 - TP.HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 là 29.414.705.654 VND

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2010 là 69.862.707.956 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hung	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Thủy	Thành viên
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên
Bà : Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Đinh Hoài Ân	Trưởng ban kiểm soát
Bà : Lê Thị Tính	Ủy viên kiểm soát
Ông : Lê Thanh Hảnh	Ủy viên kiểm soát

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai Tỉnh An Giang phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2010 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2010. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Long Xuyên, ngày 20 tháng 05 năm 2010

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Lê Thanh Thuấn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
100	**A . TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**446.584.355.358**	**374.022.864.122**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**19.250.061.548**	**6.100.557.369**
111	1. Tiền	03	9.225.165.048	5.570.557.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.024.896.500	530.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**135.131.466.636**	**105.457.943.197**
131	1. Phải thu khách hàng		119.985.352.818	79.784.617.215
132	2. Trả trước cho người bán		9.185.013.138	19.714.573.250
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	5.961.100.680	5.958.752.732
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	**IV. Hàng tồn kho**		**263.782.969.715**	**240.837.885.280**
141	1. Hàng tồn kho	05	263.782.969.715	240.837.885.280
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**28.419.857.459**	**21.626.478.276**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		935.509.819	209.224.545
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.858.594.105	2.138.475.038
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	56.109.888	16.655.400
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		19.569.643.647	19.262.123.293
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**376.773.398.619**	**385.183.349.718**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**956.890.000**	**946.890.000**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		956.890.000	946.890.000
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
220	**II. Tài sản cố định**		**154.898.689.371**	**164.445.533.809**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	25.684.170.993	28.705.676.795
222	- Nguyên giá		28.310.275.707	31.049.432.181
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(2.626.104.714)	(2.343.755.386)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	16.194.728.813	16.194.728.813
228	- Nguyên giá		16.194.728.813	16.194.728.813
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	113.019.789.565	119.545.128.201
240	**III. Bất động sản đầu tư**	10	**52.539.220.933**	**54.701.324.829**
241	- Nguyên giá		62.181.847.193	63.783.897.193
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(9.642.626.260)	(9.082.572.364)
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**167.251.723.053**	**164.175.106.996**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	167.251.723.053	164.175.106.996
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
260	**V. Lợi thế thương mại**			
270	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**1.126.875.262**	**914.494.084**
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.126.875.262	914.494.084
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác			
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**823.357.753.977**	**759.206.213.840**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
300	**A . NỢ PHẢI TRẢ**		**492.933.230.240**	**458.095.468.481**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**303.677.574.240**	**262.597.833.481**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	124.852.202.000	100.175.670.500
312	2. Phải trả người bán		79.675.501.546	50.712.125.185
313	3. Người mua trả tiền trước		43.596.994.031	46.591.300.513
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	30.200.904.973	43.672.192.171
315	5. Phải trả người lao động			193.000
316	6. Chi phí phải trả	15		
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	25.351.971.690	21.446.352.112
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
330	**II. Nợ dài hạn**		**189.255.656.000**	**195.497.635.000**
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		500.000.000	500.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	188.755.656.000	194.997.635.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	**B . VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**330.424.523.737**	**301.110.745.359**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**322.900.433.254**	**296.550.406.130**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sỡ hữu		99.126.000.000	99.126.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		141.588.960.000	141.588.960.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			41.570.882
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.161.382.649	3.138.275.001
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.161.382.649	3.138.275.001
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		69.862.707.956	49.517.325.246
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**6.023.954.649**	**3.058.597.001**
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.023.954.649	3.058.597.001
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	**C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**1.500.135.835**	**1.501.742.228**
510	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**823.357.753.977**	**759.206.213.840**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		18.609,10	16.827,09
- Euro (EUR)			
- Yên Nhật (JPY)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Long Xuyên, ngày 20 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1/2010
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	19	**92.336.817.628**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21	**92.336.817.628**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	22	**62.711.751.144**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**29.625.066.484**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	147.607.586
22	7. Chi phí tài chính	24	867.421.760
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		
24	8. Chi phí bán hàng		164.613.076
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.693.312.572
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**26.047.326.662**
31	11. Thu nhập khác		3.273.022.953
32	12. Chi phí khác		3.261.824.343
40	**13. Lợi nhuận khác**		**11.198.610**
45	**14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**		**4.997.113.019**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**31.055.638.291**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	1.640.796.802
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**29.414.841.489**
61	**18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**		**135.835**
62	**18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ**		**29.414.705.654**
70	**19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)**	26	**2.967**

Long Xuyên, ngày 20 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1/2010
01	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**		
	1. Lợi nhuận trước thuế		**31.055.638.291**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	1. Khấu hao tài sản cố định		842.403.223
03	2. Các khoản dự phòng		
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(120.048.177)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.289.283.752)
06	5. Chi phí lãi vay		867.421.760
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		**29.356.131.345**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(35.740.617.348)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(22.133.091.618)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.762.605.457
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(938.666.452)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(8.305.002.942)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.583.591.862
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.983.583.813)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		**(11.398.633.509)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(536.204.721)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		10.024.896.500
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.619.634.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.459.409
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**11.135.785.188**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		74.418.185.100
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(60.983.632.600)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.200.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**13.412.352.500**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1/2010
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**13.149.504.179**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**6.100.557.369**
61	*Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ*		
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**19.250.061.548**

Long Xuyên, ngày 20 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 ngày 04 tháng 11 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Vốn điều lệ là 99.126.000.000 VND (chín mươi chín tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu đồng)

Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	Xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	Xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Công ty con	
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	Số 09 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5 - TP.HCM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh :

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; ...

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang và báo cáo tài chính của các Công ty con ("nhóm Công ty") được hợp nhất như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết do công ty mẹ nắm giữ
	31/3/2010	31/3/2010
	VND	%
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000 VND	66%

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kì các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ ngắn hạn (1 năm trở xuống) tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và có điều chỉnh cuối

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	31/03/2010	*01/01/2010*
Tiền mặt	**6.427.911.350**	**4.495.364.168**
Tiền mặt VND	6.427.911.350	4.495.364.168
Tiền gửi ngân hàng	**2.797.253.698**	**1.075.193.201**
Tiền gửi VND	2.468.676.159	741.670.011
Tiền gửi ngoại tệ	328.577.539	333.523.190
Các khoản tương đương tiền	**10.024.896.500**	**530.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng	10.024.896.500	530.000.000
Cộng	**19.250.061.548**	**6.100.557.369**

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu về Bảo hiểm y tế		
- Phải thu khác	5.961.100.680	5.958.752.732
Cộng	**5.961.100.680**	**5.958.752.732**

5. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.566.534.758	1.566.534.758
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.207.484.164	44.343.147.476
- Hàng hóa bất động sản	215.008.950.793	194.928.203.046
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**263.782.969.715**	**240.837.885.280**

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	29.006.513	3.400.000
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	27.103.375	13.255.400
Cộng	**56.109.888**	**16.655.400**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	**24.699.128.300**	**422.928.959**	**3.736.935.510**	**2.190.439.412**	**31.049.432.181**
2. Số tăng trong kỳ		**470.000.000**		**40.164.721**	**510.164.721**
- Mua sắm mới		*470.000.000*		*40.164.721*	*510.164.721*
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
-Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ	**3.249.321.195**				**3.249.321.195**
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	*3.249.321.195*				*3.249.321.195*
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	**21.449.807.105**	**892.928.959**	**3.736.935.510**	**2.230.604.133**	**28.310.275.707**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
1. Số dư đầu năm	**40.129.643**	**251.501.088**	**1.137.319.669**	**914.804.986**	**2.343.755.386**
2. Số tăng trong kỳ	**6.019.446**	**31.211.924**	**147.289.743**	**97.828.214**	**282.349.327**
- Khấu hao trong kỳ	*6.019.446*	*31.211.924*	*147.289.743*	*97.828.214*	*282.349.327*
-Tăng khác					
3. Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	**46.149.089**	**282.713.012**	**1.284.609.412**	**1.012.633.200**	**2.626.104.713**
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**24.658.998.657**	**171.427.871**	**2.599.615.841**	**1.275.634.426**	**28.705.676.795**
Tại ngày cuối kỳ	**21.403.658.016**	**610.215.947**	**2.452.326.098**	**1.217.970.933**	**25.684.170.994**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	**16.194.728.813**				**16.194.728.813**
Số tăng trong kỳ					
- Mua trong kỳ					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	**16.194.728.813**				**16.194.728.813**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm					
Số tăng trong kỳ					
- Khấu hao trong kỳ					
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ					
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**16.194.728.813**				**16.194.728.813**
Tại ngày cuối kỳ	**16.194.728.813**				**16.194.728.813**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/03/2010	*01/01/2010*
+ Đất Thành Đội, Mỹ Long, LX	971.628.750	486.566.250
+ Khu chung cư Hàn Quốc	32.200.000	32.200.000
+ Khu dân cư Bình Khánh 3-Đường giải thoát giao thông	1.116.423.083	1.050.836.416
+ Khu dân cư Bình Khánh 5	3.715.481.575	3.623.640.696
+ Khu dân cư Bình Khánh 3	2.000.612.727	19.474.524.936
+ Khu dân cư Phường 7 - Thị xã Bến Tre	5.869.330.981	5.547.466.597
+ Khu dân cư Chợ Vàm - Huyện Phú Tân	80.000.000	80.000.000
+ Khu dân cư Thị trấn Tri Tôn	26.659.334.758	23.588.950.299
+ Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên	16.989.846.151	12.790.417.957
+ Khu chung cư cao cấp huyện Nhà Bè Tp.HCM	53.096.416	53.096.416
+ Khu dân cư đường tỉnh 942- Chợ Mới	236.219.000	236.219.000
+ Khu dân cư ấp Thị- Thị Trấn Chợ Mới	1.841.500	1.841.500
+ Khu dân cư Cái Dầu- Châu Phú	5.961.728.800	3.928.583.458
+ Khu dân cư Hội An - Huyện Chợ Mới	1.323.377.807	656.366.659
+ Khu đô thị P.10 Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	394.354.689	394.354.689
+ Khu dân cư Phú Hòa huyện Thoại Sơn	219.863.328	219.863.328
+ Bến xe Châu Đốc	14.250.000	
+ Mua đất xây dựng "khu văn phòng và nhà ở cao tầng"	47.380.200.000	47.380.200.000
Cộng	**113.019.789.565**	**119.545.128.201**

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá	**63.783.897.193**		**1.602.050.000**	**62.181.847.193**
- Quyền sử dụng đất	37.283.000.000			37.283.000.000
- Nhà	26.500.897.193		1.602.050.000	24.898.847.193
II. Giá trị hao mòn lũy kế	**9.082.572.364**	**560.053.896**		**9.642.626.260**
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	9.082.572.364	560.053.896		9.642.626.260
III. Giá trị còn lại	**54.701.324.829**			**52.539.220.933**
- Quyền sử dụng đất	37.283.000.000			37.283.000.000
- Nhà	17.418.324.829			15.256.220.933

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/03/2010	*01/01/2010*
11.1 Đầu tư vào công ty liên kết	**167.251.723.053**	**164.175.106.996**
Trong đó:		
- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại Công ty (*)	148.341.161.376	151.831.916.109
- Phần lãi trong công ty liên kết thuộc về Công ty	18.910.561.677	12.343.190.887
11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh		
Cộng (11.1)+(11.2)	**167.251.723.053**	**164.175.106.996**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

(*) Thông tin về công ty liên kết ngày 31/03/2010 như sau:

	31/03/2010	
	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia (I.D.I)	119.079.135.267	35,84%
Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	29.262.026.109	29,88%
Tổng Cộng	**148.341.161.376**	

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Công cụ dụng cụ	1.126.875.262	914.494.084
- CP Quảng cáo		
Cộng	**1.126.875.262**	**914.494.084**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Vay ngắn hạn	124.852.202.000	100.175.670.500
+ Vay ngân hàng	66.980.000.000	81.035.600.000
+ Vay đối tượng khác	57.872.202.000	19.140.070.500
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	**124.852.202.000**	**100.175.670.500**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Thuế giá trị gia tăng		3.132.465.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.433.154.973	7.792.358.171
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác (*)	20.767.750.000	32.747.369.000
Tiền đất bến xe Châu Đốc		8.966.150.000
Tiền đất kho An Giang, Mỹ Bình,Long Xuyên	20.767.750.000	22.369.800.000
Tiền đất thành đội , Mỹ Long , Long Xuyên		1.411.419.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	**30.200.904.973**	**43.672.192.171**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2010	*01/01/2010*
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- Kinh phí công đoàn	11.816.460	383.936
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.340.155.230	21.445.968.176
+ Chia cổ tức	466.924.000	489.124.000
+ Khách hàng góp vốn KDC Bình Khánh 3		
+ Khách hàng góp vốn liên doanh KDC Tri Tôn		
+ Khách hàng góp vốn KDC Hội An		
+ Khách hàng góp vốn KDC Cái Dầu		
+ Thuế TNCN		
+ Giữ hộ Công ty CP ĐT và PT Đa Quốc Gia		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

+ Giữ hộ Trisedco	5.919.416.865	5.995.868.230
+ Phải trả khác	18.053.814.365	14.960.975.946
Cộng	**25.351.971.690**	**21.446.352.112**

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2010	*01/01/2010*
Vay dài hạn	188.755.656.000	194.997.635.000
- Vay ngân hàng	*188.405.656.000*	*194.647.635.000*
- Vay đối tượng khác	*350.000.000*	*350.000.000*
Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
+ Nhận ký quỹ dài hạn		
Cộng	**188.755.656.000**	**194.997.635.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	**49.563.000.000**	**141.588.960.000**			**46.702.665.388**	**2.095.543.966**	**2.095.543.966**
Tăng vốn trong năm trước	49.563.000.000		41.570.882				
Lãi trong năm trước					60.462.152.963		
Tăng khác							
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(3.128.193.105)	1.042.731.035	1.042.731.035
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức					(54.519.300.000)		
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước	**99.126.000.000**	**141.588.960.000**	**41.570.882**		**49.517.325.246**	**3.138.275.001**	**3.138.275.001**
Tăng vốn trong kỳ							
Lãi trong kỳ					*29.414.705.654*		
Tăng khác							
Giảm vốn trong kỳ			*(41.570.882)*				
Lỗ trong kỳ							
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(9.069.322.944)	3.023.107.648	3.023.107.648
Chia cổ tức							
Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	**99.126.000.000**	**141.588.960.000**			**69.862.707.956**	**6.161.382.649**	**6.161.382.649**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	*%*	*Đầu năm*	*%*
Vốn góp của Nhà nước		**0,00%**		**0,00%**
Vốn góp của các đối tượng khác	**99.126.000.000**	**100,00%**	**99.126.000.000**	**100,00%**
Trong đó:				
- Do pháp nhân nắm giữ	19.825.200.000	20%	24.196.000.000	24%
- Do thể nhân nắm giữ	79.300.800.000	76%	74.930.000.000	76%
Cộng	**99.126.000.000**	**96%**	**99.126.000.000**	**100%**

18. c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	*Đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong kỳ		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong kỳ		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	9.912.600	9.912.600
- Cổ phiếu phổ thông	9.912.600	9.912.600
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2010
Doanh thu bán hàng	77.145.361.743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.177.364.976
Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.014.090.909
Cộng	**92.336.817.628**

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Quý 1/2010
Chiết khấu thương mại	
Giảm giá hàng bán	
Hàng bán bị trả lại	
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	
Thuế xuất khẩu	
Cộng	

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2010
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	77.145.361.743
Doanh thu thuần dịch vụ	1.177.364.976
Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.014.090.909
Cộng	**92.336.817.628**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1/2010
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.905.022.748
Giá vốn của thành phẩm	7.404.134.848
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.479.008.914
Giá vốn hợp đồng xây dựng	8.923.584.634
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
Cộng	**62.711.751.144**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.559.409
- Cổ tức lợi nhuận được chia	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	120.048.177
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	
- Lãi bán hàng trả chậm	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	
Cộng	**147.607.586**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2010
- Chi phí lãi vay	867.421.760
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	
- Lỗ do bán ngoại tệ	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	
- Chi phí tài chính khác	
Cộng	**867.421.760**

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 1/2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.640.796.802
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	
Cộng	**1.640.796.802**

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Quý 1/2010
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	29.414.705.654
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.912.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.967

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do đây là lần đầu tiên lập báo cáo tài chính hợp nhất theo "Quý" nên trong bảng "Kết quả kinh doanh" và "Lưu chuyển tiền tệ" không có số liệu Quý 1 năm 2009

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công TNHH Dịch vụ Tư Vấn Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Long Xuyên, ngày 20 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Ngô Thị Tố Ngân	Lê Thị Phượng	Lê Thanh Thuấn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 26